

## VỀ LÝ THUYẾT HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI CỦA M.WEBER

VŨ HÀO QUANG

### I. Vài nhận xét chung về lý thuyết hành động xã hội của M.Weber

Lý luận về hành động xã hội của M.Weber là một trong những lý luận quan trọng nhất trong xã hội học hiện đại của M.Weber. Theo M.Weber: xã hội học chính là khoa học về hành động xã hội. Mọi hiện tượng và sự kiện xã hội đều có thể giải thích bằng lý luận hành động xã hội, vì suy cho cùng xã hội thống nhất bởi các quan hệ xã hội mà quan hệ xã hội lại do con người tạo ra. Tóm lại, con người tạo ra xã hội và xã hội không phải tổng cộng số học của những cá thể mà là tổng hòa của các hành động xã hội. Và chính vì thế mà nhiệm vụ của xã hội học là tiếp cận, giải thích, tìm hiểu hành động xã hội cũng như giải thích một cách nhân quả về quá trình và kết quả tác động của nó<sup>(1)</sup>.

M.Weber là người cùng thời với Dilthey (1833 – 1911) và Simmel (1858 – 1918) là những học giả nổi tiếng của Đức cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Dilthey là người sáng lập ra trường phái xã hội học nhận thức, thì chính trong trường phái đó, M.Weber là người đầu tiên đưa ra ý tưởng về hành động xã hội<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên tư tưởng chống thực chứng luận của Dilthey cũng không được M.Weber chấp nhận. Ông cho rằng kết quả của nhận thức (thông hiểu) khách thể mới chỉ ở mức độ giải thích nhân quả đặc biệt rõ ràng, do đó giả thiết chỉ trở thành quan niệm khoa học khi nó được kiểm chứng bằng những phương pháp khoa học khách quan<sup>(3)</sup>. Sự nhận thức có vai trò trợ giúp trong lý thuyết xã hội của M.Weber, theo ông nhận thức là nguồn mạch của giả thuyết, trên cơ sở đó việc giải thích hành vi một cách khách quan được xây dựng. Trong khi đó Dilthey cho rằng xã hội được xây dựng được bởi con người trong sự tồn tại tinh thần của họ, do vậy xã hội là khách thể của sự quan sát để khám phá tình cảm nội tại của con người. Khi Dilthey cùng với một loạt các nhà xã hội thuộc trường phái xã hội học nhận thức khác say sưa giải thích đời sống xã hội bằng con đường phân tích những bộ phận cấu thành mang ý và nghĩa của nó thì M.Weber đi giải thích và nghiên cứu xã hội qua “tính hợp lý” của nó. Chính M.Weber là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ xã hội học nhận thức để chỉ một lĩnh vực nghiên cứu xã hội quan trọng, tuy nhiên ông lại khác với Dilthey và

(1) M.Weber tuyển tập. Nxb Tiến bộ Matxocova 1990, tr 602 (tiếng Nga)

(2) Từ điển Xã hội học phương Tây hiện đại, Matxocova 1990, tr 268 – 269

(3) “Xã hội học nhận thức” trong từ điển Xhh phương Tây hiện đại, Matxocova, 1990 tr268

những người cùng trường phái là chỉ coi nhận thức là một nguồn gốc để tiến tới việc giải thích mọi hợp lý của đời sống xã hội.

Hơn nữa theo ông đối tượng nghiên cứu của xã hội học là hành động xã hội – nó là loại hành vi người chủ yếu bị chi đạo bởi cái ý chủ quan trong mối tương quan với hành vi của những người khác (xã hội). Con người hành động, bởi nó cho rằng hành động của nó hợp lý, cũng tương tự như vậy, các cá thể khác trong xã hội hành động và xã hội thống nhất ràng buộc lẫn nhau bởi tính hợp lý. Từ quan niệm trên ta thấy M.Weber gần với quan điểm trong xã hội học hình thức của Simmel<sup>(4)</sup> mà luận điểm chính là quan hệ giữa nội dung và hình thức, từ đó ông khẳng định xã hội thực tồn trong tổng hòa các tương tác giữa các cá nhân với tư cách là người sáng tạo ra lịch sử và văn hóa.

Lý luận hành động xã hội của M.Weber được bổ sung và cải tiến bởi hai nhân vật chính rất nổi tiếng trong xã hội học thế kỷ 20 là F.Znaniecki (người Ba Lan 1882 – 1958) và T.Parson (Mỹ 1902 – 1979). Ngày nay lý luận hành động xã hội đã trở thành một phạm trù cơ bản của của lý luận xã hội học để giải thích xã hội cách thức gia nhập của cá nhân vào đời sống xã hội, cũng như các mối quan hệ xã hội phức tạp luôn đan xen vào nhau, chế ước lẫn nhau, là cơ sở tạo ra cơ cấu xã hội.

## II. Khái niệm hành động xã hội

### 1. Khái niệm và định nghĩa hành động xã hội theo M.Weber

Theo M.Weber, hành động được gọi là hành động xã hội khi nó tương quan và định hướng vào hành động của những người khác theo cái ý đã được nhận thức bởi chủ thể hành động<sup>(5)</sup>.

Hành động mà M.Weber hiểu ở đây chính là hành động của con người, nếu như chủ thể hành động (có thể là cá thể, có thể là nhiều cá thể) liên hệ cái ý chủ quan của mình với nó, loại hành động này không phụ thuộc vào đặc tính bên trong hoặc bên ngoài, đồng thời nó cũng không giới hạn bởi cách tiếp nhận kiên nhẫn hoặc thờ ơ của hành động. Loại hành động này là cơ sở của hành động xã hội, nhưng nó chưa phải là hành động xã hội. Các cấp độ của hành vi người rất phức tạp, nó bao gồm các loại hành vi bản năng (instinctus) vô thức, tâm sinh lý, tâm lý, và hành vi xã hội. Loại hành vi xã hội có quan hệ mật thiết với hành vi tâm lý và tâm sinh lý, nhưng nó khác về chất so với hành vi tâm lý ở chỗ nó có bộ phận cấu thành

<sup>(4)</sup> Xem “Format sociology in germany” trong Sociological theory, its nature and growth tác giả Nicahlas S.thamashefp Nxb USA (May 1961), tr. 298 – 299

<sup>(5)</sup> Sổ tay tra cứu xã hội học, Matxocova 1990, tr 303 – 304 (tiếng Nga)

thứ hai là sự định hướng của chủ thể vào những người khác trong quá trình tương tác xã hội<sup>(6)</sup>.

Có rất nhiều khoa học nghiên cứu hành vi người, nhưng mỗi khoa học có phương pháp và cách tiếp cận riêng. Xã hội học chỉ nghiên cứu loại hành vi xã hội nghĩa là loại hành vi có ý thức.

Hành động tâm lý cũng là loại hành động có ý thức, nó xuất phát từ việc các nhu cầu của chủ thể được ý thức hóa (động cơ) thành mục đích chung nhất. Quá trình phân tách mục đích chung thành các mục đích cục bộ được cái ý chủ quan chỉ đạo và điều chỉnh nhằm vào cách thức để đạt tới mục đích nhằm thỏa mãn những nhu cầu cụ thể.

Như vậy, ranh giới giữa hành động tâm lý và hành động xã hội rất mờ nhạt, dễ lầm lẫn, cũng giống như người ta thường nhầm lẫn các loại quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân, vì suy đến cùng là “xã hội” hay “cá nhân” thì cũng do những cá thể với tư cách là chủ thể xã hội thực hiện hành động trong mọi mối quan hệ trong xã hội.

Tuy nhiên, phân biệt được giới hạn của hai loại hành động này lại có một ý nghĩa xã hội hết sức lớn lao đối với các nhà nghiên cứu và những nhà quản lý xã hội. Ví dụ như ta nghiên cứu hậu quả của hành vi phạm tội ở một người thực sự say rượu, hoặc ít nhất bị ảnh hưởng của men rượu, so với hành vi phạm tội của một người hoàn toàn tỉnh táo nhưng giả vờ say rượu hoặc “mượn men rượu” gây ra. Trong hai loại hành vi trên có sự khác nhau về cấp độ hay là mức độ tham gia của ý thức.

Sự khác biệt tiếp theo là loại hành động định hướng chủ quan hợp lý về mục đích với hành động định hướng chủ quan hợp lý về quy tắc. Loại thứ nhất bị chi phối chủ yếu bởi yếu tố chủ quan (cá nhân), trong khi đó loại thứ hai bị chi phối chủ yếu bởi cái có ý nghĩa khách quan và được gọi là loại hành vi chuẩn (đúng mực). Loại hành vi này thường tương quan với một loại giá trị nào đó, nhờ vào giá trị người ta có thể nhận biết được mô hình hành vi con người. Như vậy, kết quả của một hành động để lại một giá trị hoặc là tích cực hoặc là tiêu cực đối với xã hội.

Như vậy là hành động xã hội biểu lộ hai đặc tính cơ bản là tính thích hợp về mặt mục đích và tính hợp lý về mặt giá trị của hành động. Hai loại đặc tính cơ bản tạo ra chuẩn mực cho hành động xã hội. Tóm lại những hành động nào của con người bao gồm ý thức chủ quan vào việc đạt tới mục đích đã đặt ra, có sự định hướng tới người khác xung quanh, nhằm cân nhắc điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với điển loại chuẩn (giá trị) đều là hành động xã hội.

---

<sup>(6)</sup>M.Weber tuyển tập Matxocova 1990, tr 602 – 603 (tiếng Nga)

## 2. Các đặc điểm của hành động xã hội

A. Không phải hành động nào cũng là hành động xã hội bởi vì không phải bất kỳ việc thực hiện một hành động nào cũng phải định hướng vào người khác. Những hành động của con người định hướng vào các khách thể vật chất, tinh thần không tương quan với hành vi của người khác không phải là hành động xã hội.

Ví dụ: ta đi xe máy trên đường, quan sát mặt đường để điều chỉnh xe

Ví dụ2: Tụng kinh thầm kín một mình

B. Hành động xã hội có thể định hướng vào hành vi của những người khác trong quá khứ, hiện tại lẫn tương lai. Loại hành động này có thể là sự báo thù vì đã bị hạ nhục trong quá khứ, sự bảo vệ vì sự an toàn hiện tại và đề phòng những nguy hiểm trong tương lai...v.v..

C. Không phải mọi loại quan hệ qua lại giữa con người với nhau đều là hành động xã hội.

Ví dụ: Sự đụng độ củ hai người đi xe đạp:

- 1) Trường hợp 1: Ta xét sự đụng độ mang tính cơ học, không phải là hành vi xã hội.
- 2) Trường hợp 2: Một trong hai người hoặc cả hai tìm cách tránh nhau nhưng vẫn xô vào nhau là hành động xã hội.
- 3) Trường hợp 3: Khi hai xe xô vào nhau rồi, hai người tìm cách giải quyết hậu quả cùng nhau (kể cả trường hợp đánh chửi nhau) là hành động xã hội.

D.1 Hành động xã hội không phải là việc đồng nhất hành vi với một loại thống nhất hoặc tương tự giống nhau của con người.

Ví dụ: Nếu như mọi người đi lên phố khi gặp trời mưa to đều căng dù, đây không có nghĩa là mọi người đều thực hiện hành động xã hội, đây chỉ là loại hành động đơn nhất để tránh trời mưa mà thôi.

2. Hành động xã hội cũng không phải là việc đồng nhất hành vi bị ảnh hưởng bởi hành vi của những người khác.

Ví dụ: Trong đám biểu tình mọi người đều hô khẩu hiệu, đều đưa nắm tay để biểu lộ một thái độ nào đó. Loại hành động này theo M.Weber cũng không phải là hành động xã hội, vì trong trường hợp đó cá nhân trở thành một bộ phận của đám đông, chứ không phải là sự định hướng hành vi của kẻ khác, dưới sự chỉ đạo của cái ý chủ quan<sup>(7)</sup>. Loại hành vi này được Lebon và Tarde nghiên cứu khá rõ trong tâm lý học đám đông.

<sup>(7)</sup> Từ điển Xã hội học Phương Tây hiện đại Matxocova 1990, tr 310 – 312 (tiếng Nga).

### III. Phân loại hành động xã hội

Dựa vào động cơ (cái thúc đẩy một cách có ý thức) của hành động xã hội, M.Weber đã phân loại hành động xã hội ra làm 4 loại là:

1. Hành động hợp lý về mục đích
2. Hành động hợp lý về mặt giá trị
3. Hành động tình cảm
4. Hành động truyền thống

Bây giờ chúng ta lần lượt phân tích những hành động trên

#### 1. *Hành động hợp lý về mục đích*

Như đã trình bày trên đây, M.Weber nhấn mạnh hai loại hành động cơ sở, nó là quan trọng nhất đó là mặt hợp nhất về mục đích và hợp lý về mặt giá trị. Hành động hợp lý về mặt mục đích cho ta thấy nỗ lực của cá nhân trên cơ sở phân tích, định hướng vào điều kiện, hoàn cảnh để xác định sự hợp lý về mục đích hành động của mình. Loại hành động này được xác định bởi mức rõ ràng, tính giá trị duy nhất của mục đích, tương ứng với nó là những phương tiện đã được ý thức một cách hợp lý, nhằm đảm bảo cho việc chiếm lĩnh hành động có nghĩa là việc đạt được kết quả của hành động xã hội, tính hợp lý của mục đích được thỏa mãn trên cả hai bình diện sau:

- a) Hợp lý về mặt nội dung của chính mục đích.
- b) Hợp lý về mặt phương tiện đã được chủ thể lựa chọn

Hành động hợp lý về mặt mục đích đòi hỏi ở chủ thể hành động (cá thể, hoặc những cá thể) cần có những cân nhắc, tính toán hợp lý để có những phản ứng phù hợp đồng thời “tận dụng” hành vi của những người xung quanh để đạt được mục đích mình đã đặt ra. Theo M.Weber, hành động hợp lý về mục đích có ưu điểm lớn về mặt phương pháp luận, nó đóng vai trò mô hình mà theo đó các loại hành vi người được hình thành và xây dựng trên cơ sở của những hoàn cảnh cụ thể.

#### 2. *Hành động hợp lý về mặt giá trị*

Khi phân tích hành động hợp lý về mặt mục đích ta thấy nổi trội lên vai trò của ý chí chủ quan của chủ thể hành động. Bây giờ phân tích hành động hợp lý về mặt giá trị ta thấy nổi trội lên vai trò của yếu tố khách quan, buộc chủ thể phải cân nhắc và thận trọng, để lựa chọn những gì mà nó cho là có ý nghĩa, có giá trị. Hành động hợp lý về mặt giá trị là loại hành động tuân thủ theo quy tắc của cái nghĩa, của hành vi đúng mức hay còn gọi là hành vi chuẩn.

Hành động hợp lý về giá trị được thực hiện bởi niềm tin của chủ thể vào cái giá trị đã được hình thành trong đời sống xã hội thông qua các hoạt động của các thiết chế chủ yếu, như

gia đình, kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, tôn giáo...v.v.. Hành động loại này luôn luôn phụ thuộc vào những đòi hỏi nào đó đối với chủ thể. Khi hành động chủ thể nhận thức được nghĩa vụ của mình, lúc đó nó thực hiện nghĩa vụ phù hợp với những đòi hỏi được đo bằng thang giá trị mà cá nhân đã lĩnh hội được, chỉ khi đó ta thấy hành động cá thể hợp với giá trị (theo sự phán xét của chính cá thể đó).

Hành động hợp lý về giá trị kèm theo một đặc tính phụ là tính có hoạch định, dựa vào đó ta có thể phán xét được xu hướng của hành vi người. Nếu như hành động hợp lý về mặt mục đích tạo ra xu hướng của hành vi, dựa vào sự tuyệt đối hóa về những giá trị mà chủ thể định hướng vào.

Hiểu rõ cơ cấu và chức năng của hai loại hành động trên rất hữu ích trong việc nghiên cứu định hướng giá trị của nhóm, tập đoàn người và xã hội trong nền văn hóa nói chung <sup>(8)</sup>.

### 3. Hành động truyền thống:

Là loại hành động được hình thành trên cơ sở của việc bắt chước (mô phỏng) những mô hình hành vi nào đó đã được củng cố, khẳng định trong truyền thống văn hóa và được chấp nhận.

Hành động truyền thống có một đặc tính hầu như là quá trình tự động, nó đã được phân biệt bởi khuynh hướng của chủ thể trong bất kỳ tình huống nào để định hướng vào những hành vi quen thuộc, lặp đi lặp lại chứ không phải là để khám phá ra những khả năng mới mẻ cho hành động.

Hành động truyền thống nằm trên ranh giới giữa những gì mà có thể được gọi là hành động đã được định hướng có ý thức và cùng với hành động xúc cảm đối lập kiên quyết với hành động hợp lý về mặt mục đích, vì hành động đích được xác định bởi việc ý thức hóa tối đa, nhưng là ý thức hợp lý mục đích của hành động cũng như phương tiện và mối liên quan giữa mục đích và phương tiện cùng hợp lý trong mọi trường hợp, đồng thời hành động truyền thống nó cũng đối lập với hành động hợp lý về mặt giá trị nhưng nó ở mức đối lập ít hơn so với hành động hợp đích.

Hành động truyền thống chỉ là phản ứng tự động đối với kích thích quen thuộc đang tồn tại trong một khuôn khổ tâm thế đã từng được thiết lập, “chim bị đạn, sợ cành cong”.

Ý nghĩa của loại hành động truyền thống rất lớn, vì phần lớn những hành vi thường ngày của con người đều thấy có vai trò của thói quen. Trong khi đó độ tin cậy đối với thói quen tự nó có thể được ý thức bởi những phương thức khác nhau. M.Weber không chỉ xem xét hành động truyền thống trong một chừng mực của hành động phạm xạ có ý thức (hành

<sup>(8)</sup> F.xnaniecki, khoa học về văn hóa, Vacsawa 1871, tr 23 (tiếng Ba Lan).

động này gắn gũi với hành động xúc cảm) mà còn công nhận cái ý nghĩa thực chứng của nó nữa.

#### *4. Hành động tình cảm*

Là loại hoạt động mà đặc tính xác định của nó là trạng thái cảm xúc nhất định của chủ thể: Nó bao gồm đam mê tình yêu hay sự ghen tỵ, cơn thịnh nộ hay sự vui vẻ hào hứng, sự sợ hãi hay lòng quả cảm (dũng cảm).

Khác với hành vi hợp đích và hợp lý về mặt giá trị, hành động xúc động không cần đạt mục đích bên ngoài nào đó mà nó có một ý nghĩa ngay ở trong tính xác định của chính hành vi, đặc tính của hành vi, cũng như việc làm khơi dậy cái đam mê của hành động (xúc động).

Cái chính ở loại hành động này là làm thế nào để thoát mái cái đam mê nhanh nhất đó là những khát vọng, xu hướng phục thù, mong muốn tháo gỡ căng thẳng.

Loại hành vi này cũng nằm trên ranh giới của hành động nhận thức và định hướng một cách có ý thức. Cũng chính do đặc tính này mà hành động cảm xúc biểu hiện trường hợp đặc biệt của hành vi con người hiện thực. M.Weber xác nhận mức độ nhận thức một cách tối thiểu của hành động xúc cảm, vượt qua người này thì nsokhoong còn là xã hội, không còn là hành động của con người nữa.

Tóm lại: Hành động được gọi là hành động xã hội khi chủ thể hành động đặt cái ý chủ quan đã được lường trước về hành vi của mình tương quan với những hành động của người khác đồng thời định hướng vào hành động của họ.